

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 14-3-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Mạnh Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Bà Dương Thị Mai Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Chí Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968; Nơi thường trú: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị và bà Trương Thị C, sinh năm 1964; Nơi thường trú: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1959 – Trưởng Văn phòng L (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/10/2024); Địa chỉ: Số B đường H, khu phố A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị H; sinh năm: 1984; Nơi thường trú: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- ***Người làm chứng:*** Bà Lê Thị S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C (Làm dịch vụ cầm đồ, cho vay có thế chấp tài sản) có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định (Tại thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị). Ngày 27/11/2017, bà Lê Thị H đến vay và thế chấp tài sản tại hộ kinh doanh của ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C. Theo khế ước cầm đồ thì bà Lê Thị H vay số tiền: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn*), lãi suất thỏa thuận 3,0%/tháng và có để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 921701 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 28/12/1998 mang tên hộ ông Lê Nguyên K để làm tin. Thực hiện khế ước vay bà Lê Thị H đã nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng, nhưng nhiều lần ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C đã đến nhà để yêu cầu bà H trả nợ vay nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Nay ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị H phải trả khoản tiền lãi do vi phạm hợp đồng vay tiền với thời gian 86 tháng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền (tính từ ngày 27/12/2017 đến 27/02/2025) với lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 là 178.450.000 đồng.

Trong bản trình bày ý kiến ngày 04/11/2024, đơn xin trình bày ý kiến ngày 02/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Năm 2017, bà Lê Thị H có vay tiền của bà Trương Thị C số tiền là 150.000.000 đồng chứ không phải số tiền 250.000.000 đồng, chữ ký trong Khế ước cầm đồ là chữ ký của bà H nhưng số tiền bà Lê Thị H nhận được từ bà C là 150.000.000 đồng tiền mặt, khi nhận tiền có biên lai giao nhận tiền nhưng đến nay bà H đã làm mất. Việc vay mượn tiền chỉ có bà Lê Thị H và bà Trương Thị C chứ không có ông Hoàng Văn T. Bà Lê Thị H có trả tiền lãi trong 02 năm, hàng tháng trả 6.750.000 đồng, có biên lai giao nhận nhưng do lặt vặt nên bà H đã làm thất lạc. Nay bà Lê Thị H chỉ đồng ý trả cho bà Trương Thị C số tiền 150.000.000 đồng.

Bà Lê Thị H cho rằng bà chỉ vay của bà Trương Thị C số tiền 150.000.000 đồng và có trả tiền lãi trong vòng 02 năm, hàng tháng trả 6.750.000 đồng/tháng thì có bà Lê Thị S là nhân viên kế toán của bà C làm chứng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị Tòa án đã đưa bà Lê Thị S tham gia tố tụng với tư cách là người làm

chứng và nhiều lần triệu tập bà Lê Thị S nhưng bà S đều không có mặt, không có lời khai hay trình bày ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 117, 119, 357, 463, 465 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T2, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C số tiền là 428.450.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ 27/12/2017 đến ngày 27/02/2025 (tổng cộng 86 tháng, với lãi suất 10%/năm) là 178.450.000 đồng phát sinh theo Khế ước cầm đồ ngày 27/11/2017.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị H trả số tiền vay và số tiền lãi phát sinh theo Khế ước cầm đồ lập ngày 27/11/2017, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị H cư trú tại khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng bà Lê Thị S.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Đối với yêu cầu trả nợ*: Ngày 27/11/2017, bà Lê Thị H có vay của ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C số tiền: 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,0%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, kể từ ngày 27/11/2017, các bên đã lập biên bản và cùng ký tên. Tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền, các bên đều tự nguyện và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà Lê Thị H thừa nhận có vay tiền của bà Trương Thị C, chữ ký trong Khế ước cầm đồ ngày 27/11/2017 đúng là chữ ký của bà H nên hợp đồng vay đã ký kết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đến nay bà H vẫn chưa trả nợ vay, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã nêu trong hợp đồng.

Bà Lê Thị H cho rằng bà chỉ vay của bà Trương Thị C số tiền 150.000.000 đồng (không phải số tiền 250.000.000 đồng) và có trả tiền lãi trong vòng 02 năm, hàng tháng trả 6.750.000 đồng/tháng cho bà C. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. *Đối với yêu cầu về tiền lãi*: Trong khế ước vay tiền có thỏa thuận về lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên toà nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 27/12/2017 đến 27/02/2025 (86 tháng) với lãi suất 10%/năm (lấy tròn số 0,83%/tháng) là: $(250.000.000 \times 0,83\%/\text{tháng} \times 86 \text{ tháng}) = 178.450.000$ đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, xét thấy mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[3.3]. *Các vấn đề khác*:

Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Lê Thị H đề nghị Toà án đưa bà Lê Thị S vào tham gia tố tụng là người làm chứng, toà án đã làm thủ tục và tổng đạt các văn

bản tố tụng cho bà S theo quy định. Tuy nhiên bà Lê Thị S vắng mặt, không có ý kiến gì, nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận ý kiến của bà Lê Thị H. Tại phiên toà bà Lê Thị H đã sao chụp các tin nhắn từ điện thoại di động để làm chứng cứ cho ý kiến của mình đưa ra, tuy nhiên các tài liệu này không đủ cơ sở để xem xét.

Đối với ý kiến của bà Lê Thị H cho rằng: Khi vay tiền chỉ có bà C và Bà H giao dịch, chứ không có mặt ông Hoàng Văn T và đề nghị đối chất. Ông Hoàng Văn T cho rằng tại thời điểm bà H vay tiền thì ông T là người trông coi tiệm cầm đồ và trực tiếp viết khế vay tiền rồi cùng ký tên. Khế ước vay tiền được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, việc ông T không tham gia đối chất được không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên khế ước vay tiền có hiệu lực thực hiện.

Trong khế ước vay tiền: Bà Lê Thị H có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 921701 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 28/12/1998 mang tên hộ ông Lê Nguyên K cho ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C để vay tiền. Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu và không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ 27/12/2017 đến ngày 27/02/2025 (tổng cộng 86 tháng) là 178.450.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), tổng cộng là 428.450.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), phát sinh theo Khế ước cầm đồ ngày 27/11/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 21.138.000 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn T và bà Trương Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.375.000 đồng (Mười triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000233 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND H.Hướng Hóa;
- CC THADS H. Hướng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Mạnh Lưu